TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU L
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10** /2022/HNGĐ - ST
Ngày 26/01/2022
V/v" Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU L -TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ng Xuân ChU
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ng V Thư
Ông Lê Nam V

-Thư ký phiên tòa: Bà Ng Th Lê - Thư ký Tòa án
Tòa án nhân dân huyện Hậu L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu L tham gia phiên tòa:
Bà Hà Th Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/11/ 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2022 giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Anh M V B - Sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn M H, xã M L, huyện Hậu L, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Ng Th H - Sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn B Th, xã Ng L, huyện Hậu L, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa ngU đơn anh M V B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Ng Th H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của ngU đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo ngU đơn - Anh M V B trình bày:

* *Về hôn nhân*: Anh và chị Ng Th H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã M L, huyện Hậu L ngày 06/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, mặt khác do điều kiện kinh tế khó khăn, nên vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Năm 2013 hai vợ chồng cùng vào Nam làm ăn được một thời gian ngắn thì chị H bỏ về bên ngoại ở, khoảng 02 năm sau anh B

về khU giải, chị H đồng ý quay lại chung sống với nhau được khoảng 7 tháng thì chị H bỏ đi luôn, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quam tâm đến ai nữa. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn khả năng hàn gắn, để đoàn tụ được nữa, nên anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị H.

* *Về con chung*: Anh M V B xác định: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là M Th T U , sinh ngày 30/12/2011. Từ khi sinh ra đến nay cháu T U vẫn ở với anh B. Ly hôn nguyện vọng của anh B xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu M Th T U, anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

* *Về tài sản và công nợ*: Anh M V B xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần chị Ng Th H đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với anh M V B nhưng chị H đều vắng mặt không có lí do. Toà án đã về gia đình tại thôn B Th, xã Ng L, huyện Hậu L và tiến hành Tng đạt các V bản T tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Ng Th H. Tại thời điểm xác M chị H không có mặt tại gia đình và địa phương, theo báo cáo của ông Ng V Hương bố đẻ của chị H cho biết, hiện nay chị H đang đi làm công nhân tại Hà Nội và thường xU về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản giao các V bản T tụng cho ông Hương là Ngời nhận, ông Hương cam kết sẽ giao lại cho chị H, để chị H biết và thực hiện quyền của mình.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

+Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, ngU đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ T tụng theo quy định của pháp luật.

+Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của anh M V B.

- Về hôn nhân: Xử cho của anh M V B được ly hôn với chị Ng Th H.

- Về con chung: Giao cháu M Th T U , sinh ngày 30/12/2011 cho anh M V B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, nên miễn xét.

- Về tài sản công nợ: Anh M V B xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc anh M V B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa anh M V B và chị Ng Th H, bị đơn có địa chỉ tại thôn B Th, xã Ng L, huyện Hậu L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật T tụng Dân sự.

[2]. Về T tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Hậu L đã triệu tập chị Ng Th H nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục T tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật T tụng dân sự nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do. Toà án nhân dân huyện Hậu L đã về tại gia đình và địa phương để xác M và tiến hành giao các V bản T tụng của vụ án cho chị H. Tại thời điểm xác M chị H không có mặt tại gia đình và địa phương, theo báo cáo của ông Ng V Hương bố đẻ của chị H cho biết, hiện nay chị H đang đi làm công nhân tại Hà Nội và thường xU về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản giao các V bản T tụng cho ông Hương là Ngời nhận, ông Hương cam kết sẽ giao lại cho chị H. Chị H đã được thông báo lại và biết việc anh M V B làm đơn xin ly hôn đối với chị nhưng tại các buổi làm việc tại Tòa án chị H đều vắng mặt không có lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 10/01/2022 do chị H vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên toà và mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày 26/01/2022, chị H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật T tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh B.

[3]. Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân:* Anh M V B và chị Ng Th H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới được UBND xã M L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/01/2010, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống không được hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, mặt khác do điều kiện kinh tế khó khăn, nên vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Năm 2013 hai vợ chồng cùng vào Nam làm ăn được một thời gian ngắn thì chị H bỏ về bên ngoại ở, khoảng 02 năm sau anh về khU giải, chị H đồng ý quay lại chung sống với nhau được khoảng 7 tháng thì chị H bỏ đi luôn, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn khả năng hàn gắn, để đoàn tụ được nữa, nên anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị H không đến Tòa án để tham gia các buổi hòa giải, nhưng Tòa án vẫn động viên anh B nên tìm gặp chị H để giải quyết các mâu thuẫn trong cuộc sống trước đây để vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh B cho rằng anh cũng đã cố gắng trao đổi với chị H nhưng không có kết quả. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn khả năng hàn gắn, để đoàn tụ được nữa, nên anh B cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh B và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh B xin ly hôn đối với chị H là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Anh M V B xác định: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là M Th T U, sinh ngày 30/12/2011. Từ khi sinh ra đến nay cháu T U vẫn ở với anh B. Ly hôn nguyện vọng của anh B xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu M Th T U, anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy đề nghị của anh B về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là hoàn toàn chính đáng, vì từ khi sinh ra đến nay cháu đang ở với anh B, mặt khác theo đề nghị của cháu T U, nếu bố mẹ ly hôn nhau thì cháu xin được tiếp tục ở với Bố. Để ổn định cuộc sống của cháu T U, nên HĐXX chấp nhận đề nghị của anh B, giao cháu M Th T U cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh, nên miễn xét.

Nếu sau này chị H có nguyện vọng về việc thay đổi Ngời nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì giành cho chị H quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh M V B xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4].Về án phí: Buộc anh M V B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật T tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** V*ắng mặt anh M V B và chị Ng Th H.*

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh M V B về việc xin ly hôn và nuôi con chung đối với chị Ng Th H.

- *Về hôn nhân*: Cho anh M V B được ly hôn với chị Ng Th H.

- *Về con chung*: Giao cháu M Th T U, sinh ngày 30/12/2011cho anh M V B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

***Về án phí:** Anh M V B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0008744, ngày 16/11/2021 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Hậu L.

***Về quyền kháng cáo:** Chị H, anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, Ngời phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hậu L;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Hậu L;*
- *UBND xã M L;*
- *Lưu hồ sơ.*